



Biểu số 1

KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO CỦA CÔNG DÂN
(Số liệu tính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 29/02/2024)
(Kèm theo báo cáo số 33/BC-BPC ngày 17/6/2024 của Ban Pháp chế HĐND Thành phố)

Số TT	Tên đơn vị	Năm	Giải quyết đơn khiếu nại							Giải quyết đơn tố cáo						
			Tổng số đơn tiếp nhận	Tổng số đơn thụ lý (mới + số cũ chuyển sang)	Kết quả giải quyết					Tổng số đơn tiếp nhận	Tổng số đơn thụ lý (mới + số cũ chuyển sang)	Kết quả giải quyết				
					Ban hành quyết định giải quyết	Rút đơn	Chuyển cơ quan thẩm quyền giải quyết	Đang giải quyết				Ban hành kết luận tố cáo	Rút đơn	Chuyển cơ quan thẩm quyền giải quyết	Đang giải quyết	
								Trong thời hạn	Quá thời hạn						Trong thời hạn	Quá thời hạn
	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	Tổng		5159	5125	3082	733	245	848	217	4033	2851	1804	188	510	286	63
I	Cấp Thành phố	2022	454	454	250	158	46	0	0	480	234	132	6	96	0	0
		2023	610	610	359	176	75	0	0	856	419	222	5	191	1	0
		T2/2024	113	113	39	37	13	1	23	202	125	31	8	55	16	15
1	UBND Thành phố chuyển Thanh tra Thành phố	2022	273	273	250	23	0	0	0	125	125	119	6	0	0	0
		2023	371	371	359	12	0	0	0	211	211	206	5	0	0	0
		T2/2024	62	62	38	0	0	1	23	66	66	28	8	0	15	15
2	Thanh Tra Thành phố	2022	181	181	0	135	46	0	0	355	109	13	0	96	0	0
		2023	239	239	0	164	75	0	0	645	208	16	0	191	1	0
		T2/2024	51	51	1	37	13	0	0	136	59	3	0	55	1	0
II	Cấp quận, huyện	2022	1586	1592	1083	219	59	208	23	1030	880	685	68	72	48	7
		2023	1893	1686	1130	117	37	285	117	1151	905	639	85	70	86	25
		T2/2024	503	670	221	26	15	354	54	314	288	95	16	26	135	16

Số TT	Tên đơn vị	Năm	Giải quyết đơn khiếu nại							Giải quyết đơn tố cáo						
			Tổng số đơn tiếp nhận	Tổng số đơn thụ lý (mới + số cũ chuyển sang)	Kết quả giải quyết						Tổng số đơn tiếp nhận	Tổng số đơn thụ lý (mới + số cũ chuyển sang)	Kết quả giải quyết			
					Ban hành quyết định giải quyết	Rút đơn	Chuyển cơ quan thẩm quyền giải quyết	Đang giải quyết		Ban hành kết luận tố cáo			Rút đơn	Chuyển cơ quan thẩm quyền giải quyết	Đang giải quyết	
								Trong thời hạn	Quá thời hạn						Trong thời hạn	Quá thời hạn
	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1	Ba Đình	2022	31	31	24	7	0	0	0	5	5	3	1	1	0	0
		2023	46	46	37	9	0	0	0	1	1	1	0	0	0	0
		T2/2024	17	17	8	2	0	6	1	0	0	0	0	0	0	0
2	Đống Đa	2022	39	39	32	7	0	0	0	29	29	23	6	0	0	0
		2023	53	53	45	5	0	3	0	39	39	30	5	0	4	0
		T2/2024	22	22	20	0	0	2	0	10	10	4	1	0	5	0
3	Hoàn Kiếm	2022	70	70	67	3	0	0	0	146	146	141	5	0	0	0
		2023	72	72	65	7	0	0	0	126	126	102	7	0	17	0
		T2/2024	5	5	0	0	0	5	0	11	11	0	0	0	11	0
4	Hai Bà Trưng	2022	16	15	14	1	0	0	0	15	14	14	0	0	0	0
		2023	10	7	7	0	0	0	0	29	22	19	3	0	0	0
		T2/2024	4	4	0	0	0	4	0	6	3	0	1	0	2	0
5	Cầu Giấy	2022	13	9	4	0	0	5	0	13	12	8	1	0	3	0
		2023	24	21	16	1	0	4	0	11	9	2	1	0	6	0
		T2/2024	8	8	3	1	0	4	0	7	6	0	0	0	6	0
6	Thanh Xuân	2022	89	76	64	12	0	0	0	8	5	5	0	0	0	0
		2023	71	37	36	1	0	0	0	14	7	6	1	0	0	0
		T2/2024	50	39	31	0	0	8	0	4	4	2	0	0	2	0

Số TT	Tên đơn vị	Năm	Giải quyết đơn khiếu nại							Giải quyết đơn tố cáo						
			Tổng số đơn tiếp nhận	Tổng số đơn thụ lý (mới + số cũ chuyển sang)	Kết quả giải quyết						Tổng số đơn tiếp nhận	Tổng số đơn thụ lý (mới + số cũ chuyển sang)	Kết quả giải quyết			
					Ban hành quyết định giải quyết	Rút đơn	Chuyển cơ quan thẩm quyền giải quyết	Đang giải quyết		Ban hành kết luận tố cáo			Rút đơn	Chuyển cơ quan thẩm quyền giải quyết	Đang giải quyết	
								Trong thời hạn	Quá thời hạn						Trong thời hạn	Quá thời hạn
	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
7	Hà Đông	2022	36	36	36	0	0	0	0	8	8	8	0	0	0	0
		2023	70	70	6	2	0	0	62	3	3	1	1	0	1	0
		T2/2024	33	33	0	0	0	10	23	1	1	0	0	0	1	0
8	Tây Hồ	2022	102	96	80	3	6	7	0	85	57	35	3	18	1	0
		2023	230	163	133	3	16	11	0	121	84	49	5	21	9	0
		T2/2024	50	45	31	0	10	4	0	34	30	18	0	10	2	0
9	Hoàng Mai	2022	40	33	17	12	0	4	0	32	26	21	5	0	0	0
		2023	46	44	36	6	0	2	0	29	21	20	0	0	1	0
		T2/2024	44	33	25	3	0	5	0	8	5	2	0	0	3	0
10	Bắc Từ Liêm	2022	106	286	92	8	38	148	0	58	100	65	10	0	25	0
		2023	95	243	83	4	0	156	0	45	70	38	16	0	16	0
		T2/2024	10	166	17	0	0	149	0	6	22	10	0	0	12	0
11	Nam Từ Liêm	2022	176	135	79	9	0	30	17	93	24	13	5	0	3	3
		2023	356	144	105	0	0	25	14	156	31	14	1	0	11	5
		T2/2024	54	78	38	15	0	9	16	64	24	11	3	0	4	6
12	Long Biên	2022	238	176	142	34	0	0	0	23	15	8	7	0	0	0
		2023	147	111	96	15	0	0	0	24	15	10	5	0	0	0
		T2/2024	50	45	0	1	0	44	0	4	4	0	0	0	4	0
		2022	32	18	10	1	7	0	0	53	48	18	1	29	0	0

Số TT	Tên đơn vị	Năm	Giải quyết đơn khiếu nại							Giải quyết đơn tố cáo						
			Tổng số đơn tiếp nhận	Tổng số đơn thụ lý (mới + số cũ chuyển sang)	Kết quả giải quyết						Tổng số đơn tiếp nhận	Tổng số đơn thụ lý (mới + số cũ chuyển sang)	Kết quả giải quyết			
					Ban hành quyết định giải quyết	Rút đơn	Chuyển cơ quan thẩm quyền giải quyết	Đang giải quyết		Ban hành kết luận tố cáo			Rút đơn	Chuyển cơ quan thẩm quyền giải quyết	Đang giải quyết	
								Trong thời hạn	Quá thời hạn						Trong thời hạn	Quá thời hạn
	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
13	Thường Tín	2023	19	14	6	1	7	0	0	55	50	25	1	24	0	0
		T2/2024	12	7	0	0	4	3	0	34	34	13	0	10	11	0
14	Thanh Oai	2022	6	6	4	0	0	0	2	27	27	21	0	0	3	3
		2023	12	14	6	1	0	5	2	29	35	22	2	0	3	8
		T2/2024	2	10	3	0	0	2	5	10	21	3	0	0	15	3
15	Quốc Oai	2022	11	11	11	0	0	0	0	18	18	10	1	7	0	0
		2023	23	23	22	0	0	0	1	16	16	9	1	6	0	0
		T2/2024	2	2	2	0	0	0	0	4	4	1	0	3	0	0
16	Thanh Trì	2022	57	61	40	18	0	3	0	31	34	23	4	3	4	0
		2023	66	69	46	5	5	11	2	42	46	32	6	3	5	0
		T2/2024	20	33	13	1	1	15	3	11	16	6	2	2	5	1
17	Ba Vì	2022	54	54	54	0	0	0	0	66	66	66	0	0	0	0
		2023	54	54	54	0	0	0	0	65	65	65	0	0	0	0
		T2/2024	7	7	1	0	0	6	0	11	11	2	0	0	9	0
18	Ứng Hòa	2022	21	21	6	5	0	6	4	23	23	16	2	0	4	1
		2023	16	26	19	4	0	3	0	14	19	14	2	0	2	1
		T2/2024	3	6	3	0	0	3	0	4	7	0	3	0	3	1
19	Đông Anh	2022	155	153	114	39	0	0	0	47	21	16	5	0	0	0
		2023	58	56	53	3	0	0	0	36	11	5	5	1	0	0

Số TT	Tên đơn vị	Năm	Giải quyết đơn khiếu nại							Giải quyết đơn tố cáo						
			Tổng số đơn tiếp nhận	Tổng số đơn thụ lý (mới + số cũ chuyển sang)	Kết quả giải quyết				Tổng số đơn tiếp nhận	Tổng số đơn thụ lý (mới + số cũ chuyển sang)	Kết quả giải quyết					
					Ban hành quyết định giải quyết	Rút đơn	Chuyển cơ quan thẩm quyền giải quyết	Đang giải quyết			Ban hành kết luận tố cáo	Rút đơn	Chuyển cơ quan thẩm quyền giải quyết	Đang giải quyết		
								Trong thời hạn						Quá thời hạn	Trong thời hạn	Quá thời hạn
	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
		T2/2024	22	22	3	0	0	19	0	8	2	0	0	0	2	0
20	Sóc Sơn	2022	31	26	23	3	0	0	0	40	20	17	2	1	0	0
		2023	36	24	15	9	0	0	0	41	17	16	1	0	0	0
		T2/2024	13	10	1	3	0	6	0	14	11	2	2	0	7	0
21	Chương Mỹ	2022	21	21	13	5	0	3	0	26	27	22	3	0	2	0
		2023	27	30	25	3	0	2	0	40	42	31	8	0	3	0
		T2/2024	2	4	1	0	0	3	0	18	21	13	2	0	6	0
22	Gia Lâm	2022	57	62	32	30	0	0	0	15	21	19	2	0	0	0
		2023	58	64	47	17	0	0	0	26	27	25	2	0	0	0
		T2/2024	11	19	11	0	0	7	1	6	8	5	0	0	3	0
23	Mê Linh	2022	14	17	15	0	0	2	0	7	10	9	0	0	1	0
		2023	13	30	24	2	0	4	0	7	8	4	1	0	3	0
		T2/2024	0	4	0	0	0	0	4	4	7	0	0	0	4	3
24	Phú Xuyên	2022	36	21	13	0	8	0	0	50	38	25	1	12	0	0
		2023	30	25	13	2	7	0	3	52	36	18	1	14	0	3
		T2/2024	4	1	0	0	0	0	1	1	1	0	0	0	0	1
25	Mỹ Đức	2022	4	4	1	3	0	0	0	7	7	6	0	1	0	0
		2023	11	11	9	2	0	0	0	5	5	4	1	0	0	0
		T2/2024	5	5	2	0	0	3	0	3	3	0	0	0	3	0

Số TT	Tên đơn vị	Năm	Giải quyết đơn khiếu nại							Giải quyết đơn tố cáo							
			Tổng số đơn tiếp nhận	Tổng số đơn thụ lý (mới + số cũ chuyển sang)	Kết quả giải quyết						Tổng số đơn tiếp nhận	Tổng số đơn thụ lý (mới + số cũ chuyển sang)	Kết quả giải quyết				
					Ban hành quyết định giải quyết	Rút đơn	Chuyển cơ quan thẩm quyền giải quyết	Đang giải quyết		Ban hành kết luận tố cáo			Rút đơn	Chuyển cơ quan thẩm quyền giải quyết	Đang giải quyết		
								Trong thời hạn	Quá thời hạn						Trong thời hạn	Quá thời hạn	
	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
26	Sơn Tây	2022	36	34	28	6	0	0	0	13	9	8	1	0	0	0	
		2023	85	85	14	3	0	54	14	22	17	10	4	0	0	3	
		T2/2024	26	26	0	0	0	26	0	1	1	0	0	0	0	1	
27	Phúc Thọ	2022	26	26	15	11	0	0	0	15	15	13	2	0	0	0	
		2023	13	13	6	5	0	2	0	17	17	15	2	0	0	0	
		T2/2024	0	0	0	0	0	0	0	4	4	0	0	0	4	0	
28	Hoài Đức	2022	32	29	29	0	0	0	0	28	24	24	0	0	0	0	
		2023	15	13	12	0	0	0	1	32	30	27	0	0	3	0	
		T2/2024	2	2	0	0	0	2	0	4	4	0	2	0	2	0	
29	Đan Phượng	2022	22	22	20	2	0	0	0	18	18	17	1	0	0	0	
		2023	114	114	89	7	0	0	18	21	21	14	2	0	0	5	
		T2/2024	3	3	1	0	0	2	0	1	1	0	0	0	1	0	
30	Thạch Thất	2022	15	4	4	0	0	0	0	31	13	11	0	0	2	0	
		2023	23	10	5	0	2	3	0	33	15	11	1	1	2	0	
		T2/2024	22	14	7	0	0	7	0	21	12	3	0	1	8	0	

Ghi chú: Cột 3 = 4 + 5 + 6 + 7 + 8; Cột 10 = 11 + 12 + 13 + 14 + 15